

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

## **HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**HẠT HƯƠNG DƯƠNG CHACHEER NGUYÊN VỊ –  
CHACHEER SUNFLOWER SEEDS ORIGINAL  
FLAVOR**

**TCCS 08/VDN/2021**

## **CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM**

**Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.**

**Điện thoại: 0251.3825111      Fax: 0251.3825138**

**Email: [dl-hha@vedaninternational.com](mailto:dl-hha@vedaninternational.com)**

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

## I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

#### IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 3.25).
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6 mục 6.6.2).
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

*Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.*

**Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2021**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**YANG KUN HSIANG**



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
ANALYTICAL RESULTS



BN: 210204003

Trang/ Page 1 / 3

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 210204003-2

Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt Hướng Dương Chacheer Nguyên Vị -  
Chacheer Sunflower Seeds Original Flavor

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín/ Sample in sealed bag

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm/ Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 04 / 02 / 2021

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 04 / 02 / 2021 - 04 / 03 / 2021

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 04 / 03 / 2021

| Chỉ tiêu phân tích<br>Parameter (s)    | Kết quả<br>Result                                                                                                            | Đơn vị<br>Unit | LOD             | Phương pháp<br>Test method                                    |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------------------------------------------------------|
| Cảm quan (Sensory)                     | Hạt giòn, cứng, không có hạt hư hỏng, màu nâu nhạt đến xám đen đặc trưng của sản phẩm, mùi thơm và vị đặc trưng của sản phẩm |                |                 | Cảm quan / Sensory                                            |
| Béo tổng (Fat total)                   | 14.6                                                                                                                         | g/30g          |                 | HD.TN.023 (AOAC 996.06) (*)                                   |
| Cholesterol                            | KPH/ N.D                                                                                                                     | mg/30g         | 0.5             | HD.TN.305 (Ref. J. Agric. Food Chem. 2006, 54, 4107-4113) (*) |
| Độ ẩm (Moisture content)               | 0.33                                                                                                                         | g/30g          |                 | HD.TN.047 (*)                                                 |
| Fat Saturated                          | 1.55                                                                                                                         | g/30g          |                 | Ref. AOAC 996.06 (GC/MS)                                      |
| Fat Trans                              | KPH/ N.D                                                                                                                     | g/30g          | 0.003           | HD.TN.135 (Ref. AOAC 996.06) (*)                              |
| Fiber Dietary<br>(Xơ dinh dưỡng)       | 2.77                                                                                                                         | g/30g          |                 | AOAC 991.43 (*)                                               |
| Năng lượng (Calories)                  | 187                                                                                                                          | kcal/30g       |                 | Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003)          |
| Total Carbohydrate                     | 6.22                                                                                                                         | g/30g          |                 | Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003)          |
| Vitamin D<br>(Vitamin D2 & Vitamin D3) | KPH/ N.D                                                                                                                     | IU/30g         | 6 each compound | Ref. AOAC 995.05 (LC/MS/MS)                                   |



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
ANALYTICAL RESULTS



BN: 210204003

Trang/ Page 2 / 3

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 210204003-2

Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt Hướng Dương Chacheer Nguyên Vị -  
Chacheer Sunflower Seeds Original Flavor

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín/ Sample in sealed bag

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm/ Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 04 / 02 / 2021

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 04 / 02 / 2021 - 04 / 03 / 2021

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 04 / 03 / 2021

| Chỉ tiêu phân tích<br>Parameter (s) | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | LOD                   | Phương pháp<br>Test method                        |
|-------------------------------------|-------------------|----------------|-----------------------|---------------------------------------------------|
| Aflatoxins B1                       | KPH/ N.D          | µg/kg          | 0.15                  | HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)      |
| Aflatoxins tổng số<br>(B1,B2,G1,G2) | KPH/ N.D          | µg/kg          | 0.15 each<br>compound | HD.TN.007 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)      |
| Melamine                            | KPH/ N.D          | µg/kg          | 60                    | HD.TN.005 (CLG -MEL 1.01) LC/MS/MS                |
| As (Arsen tổng)(Arsenic total)      | KPH/ N.D          | mg/kg          | 0.05                  | HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)        |
| Ca (Canxi)(Calcium)                 | 31.6              | mg/30g         |                       | HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35)<br>(*) |
| Fe (Sắt tổng)(Iron total)           | 1.40              | mg/30g         |                       | HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35)<br>(*) |
| K (Kali)(Potassium)                 | 239               | mg/30g         |                       | HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35)<br>(*) |
| Pb (Chì)(Lead)                      | KPH/ N.D          | mg/kg          | 0.05                  | HD.TN.062 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)        |
| <i>Bacillus cereus</i>              | <10               | CFU/g          |                       | TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004) (*)                |
| <i>Clostridium perfringens</i>      | <10               | CFU/g          |                       | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) (*)                |
| <i>Coliforms</i>                    | 0                 | MPN/g          |                       | TCVN 4882:2007(ISO 4831:2006)                     |

12124  
NG TY  
TNHH  
ANH VI  
CÔNG NG  
N VŨ  
TP HỒ

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
ANALYTICAL RESULTS



BN: 210204003

Trang/ Page 3 / 3

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 210204003-2

Tên mẫu / Name of Sample : Hạt Hướng Dương Chacheer Nguyên Vị -  
Chacheer Sunflower Seeds Original Flavor

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín / Sample in sealed bag

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm / Food

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 04 / 02 / 2021

Thời gian phân tích / Time of analysis : 04 / 02 / 2021 - 04 / 03 / 2021

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 04 / 03 / 2021

| Chỉ tiêu phân tích<br>Parameter (s)               | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | LOD | Phương pháp<br>Test method              |
|---------------------------------------------------|-------------------|----------------|-----|-----------------------------------------|
| <i>Escherichia coli</i>                           | 0                 | MPN/g          |     | TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)          |
| Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc (Yeast and Molds) | <10               | CFU/g          |     | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*) |
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts) | <10               | CFU/g          |     | TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) (*)  |

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu



T. Giám đốc  
On behalf of director

MS. Trinh Thi Minh Nguyet

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
ANALYTICAL RESULTS



BN: 210204003

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Client name : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD

Địa chỉ : Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Address : National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Mã số mẫu / Sample ID : 210204003-2

Tên mẫu/ Name of Sample : Hạt Hướng Dương Chacheer Nguyên Vị -  
Chacheer Sunflower Seeds Original Flavor

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín/ Sample in sealed bag

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm/ Food

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 04 / 02 / 2021

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 04 / 02 / 2021 - 04 / 03 / 2021

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 04 / 03 / 2021

| Chỉ tiêu phân tích<br>Parameter (s) | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | LOD | Phương pháp<br>Test method                     |
|-------------------------------------|-------------------|----------------|-----|------------------------------------------------|
| Protein (N*5.30)                    | 7.73              | g/30g          |     | HD.TN.038 (Ref. AOAC 928.08) (*)               |
| Sugar Total (Đường tổng)            | 1.41              | g/30g          |     | Ref. EC 152 -2009, TCVN 4594-1988 (*)          |
| Na (Natri)(Sodium)                  | 2.86              | mg/30g         |     | HD.TN.226 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 985.35) (*) |

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(\*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

Phụ trách phòng thí nghiệm  
Officer in charge of laboratory



Tran Minh Thu

TL. Giám đốc  
On behalf of director



MS. Trinh Thi Minh Nguyet

Sample ID: 210204003-2

BN: 210203003

Page:



## ANALYTICAL RESULTS

Sample name: Hạt Hướng Dương Chacheer Nguyên Vị -  
Chacheer Sunflower Seeds Original Flavor

## NUTRITION FACTS

About 1.25 Servings Per Container

**Serving Size**

**1/4 cup kernel (30g)\***

**Amount Per Serving**

**Calories**

**190**

**% Daily Value \*\***

**Total fat** 15 g

**19 %**

Saturated Fat 1.5g

**8 %**

Trans Fat 0g

**Cholesterol** 0mg

**0 %**

**Sodium** 0mg

**0 %**

**Total Carbohydrate** 6g

**2 %**

Dietary Fiber 3g

**10 %**

Total Sugars 1g

Includes 0g added sugars

**0 %**

**Protein** 8g

**Vitamin D** 0mcg

**0 %**

**Calcium** 30mg

**2 %**

**Iron** 1.4mg

**8 %**

**Potassium** 240mg

**6 %**

\*Equates to (60g) in the shell

\* The % Daily Value (DV) tells you how much nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Ghi chú: Số liệu đường thêm vào do khách hàng cung cấp

*Note: The data of added sugars provided by customer.*



条码尺寸: 国标12904标准0.9系数

